TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2024.
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

- Ông Cao Đình Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Trần Bảo Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 567/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2023 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Mai Thị T** sinh năm 1974; Trú tại: Số 12/14, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên hệ: Số 17/25 đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn B** sinh năm 1973; Trú tại: Số 37 đường A, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T:***

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình vợ chồng chung sống ngay từ thời gian đầu đã không có hạnh phúc, thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng bà là do ông B đánh đập bà, ông B không trách nhiệm với gia đình, vợ con, không

phụ giúp bà trong vấn đề kinh tế, nuôi con. Quá trình chung sống với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng bà nhiều lần sống ly thân, đến năm 2015 thì bà và con gái về sống tại thị trấn L, Đ còn ông B vẫn sống tại Thành phố Hồ Chí Minh với con trai. Đến năm 2021 thì ông B chuyển về sống chung với mẹ con bà tại thị trấn L, Đ. Quá trình về sống chung với nhau tại Đ, ông B thường xuyên ăn nhậu, lấy tiền của bà, nhậu về đập phá đồ đạc, có 01 lần trong năm 2022 ông B còn lấy dao đòi chém 03 mẹ con bà, Công an thị trấn L mời lên làm việc. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn B.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Trần Văn M sinh ngày 09/7/2004 và Trần Ngọc Thúy V sinh ngày 07/10/2007. Hiện nay các con đang sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Thúy V cho đến ngày con thành niên; con chung tên M đã thành niên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến của bị đơn ông Trần Văn B:***

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2014-2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ông là do ông đi làm hay nhậu, bà T hay chửi, do bà T chửi lâu nên ông mới đánh bà T. Đến năm 2016 thì bà T về sống tại thị trấn L, Đ còn ông và 02 con vẫn sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2017 thì bà T đón con gái về Đ sống còn ông và con trai vẫn sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng tháng 7/2019 bà T về Thành phố Hồ Chí Minh đón ông lên Đ để ký giấy mua đất, sau đó bà T nói ông ở lại Đ để vợ chồng làm ăn buôn bán với nhau nên cả gia đình ông về sống tại thị trấn L, Đ từ đó đến nay. Quá trình về sống chung với nhau tại Đ làm ăn chung thì bà T quản lý tiền bạc nên có lúc ông hỏi xin tiền bà T để nhậu và tiêu xài cá nhân. Ông chỉ ăn nhậu chứ không bài bạc. Trong năm 2022 do ông say nên ông có cầm dao dọa vợ con chứ không đánh đập. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung tên Trần Văn M sinh ngày 09/7/2004 và Trần Ngọc Thúy V sinh ngày 07/10/2007. Hiện nay các con đang sống cùng với bà T. Trong trường hợp bà T vẫn cương quyết ly hôn ông đồng ý giao bà T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Thúy V cho đến ngày con thành niên; con chung tên M đã thành niên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Trước đây ông có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng ông không nộp tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án. Nay tài sản chung của vợ chồng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, xử cho bà T với ông B ly hôn; con chung tên M đã thành niên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giao con chung tên Vân cho bà T nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên; bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà T với bị đơn ông B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng

dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông B kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo bà T, quá trình vợ chồng chung sống ngay từ thời gian đầu đã không có hạnh phúc, thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng bà là do ông B đánh đập bà, ông B không trách nhiệm với gia đình, vợ con, không phụ giúp bà trong vấn đề kinh tế, nuôi con, bà và ông B nhiều lần sống ly thân, trong quá trình chung sống, ông B thường xuyên ăn nhậu, lấy tiền của bà, nhậu về thì ông B đập phá đồ đạc, có 01 lần trong năm 2022 ông B còn lấy dao đòi chém 03 mẹ con bà, Công an thị trấn L có mời lên làm việc. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn ông Trần Văn B. Còn ông B cho rằng quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2014-2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ông là do ông đi làm hay nhậu, bà T hay chửi, do bà T chửi lâu nên ông mới đánh bà T. Quá trình về sống chung với nhau và làm ăn chung thì bà T quản lý tiền bạc nên có lúc ông hỏi xin tiền bà T để nhậu và tiêu xài cá nhân, ông chỉ ăn nhậu chứ không bài bạc. Trong năm 2022 do ông say nên ông có cầm dao dọa vợ con chứ không đánh đập. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T với ông B đã trầm trọng, kéo dài từ năm 2014 đến nay, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông B thường xuyên nhậu nhẹt nên bà T càm ràm, chửi ông B, nhưng ông B vẫn không bỏ bia, rượu, ông thừa nhận thường xuyên uống rượu (ngày nào cũng uống) khi uống rượu về ông B thường yêu cầu bà T đưa tiền để mua bia, rượu nếu bà T không đưa thì ông kiếm chuyện gây gổ, đánh đập, chửi vợ con, trong năm 2022 ông B thừa nhận do ông say nên ông có cầm dao dọa đòi chém bà T và các con. Cho thấy trong quá trình chung sống ông B đã có hành vi bạo lực gia đình khiến mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ tháng 9/2023 đến nay bà T với ông B không còn chung sống với nhau, ông B có mong muốn hàn gắn quan hệ gia đình nhưng ông không có biện pháp hàn gắn giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, tại phiên tòa bà T xác định tình cảm vợ chồng không và cương quyết ly hôn nên quan hệ hôn nhân của bà T với ông B là không thể hàn gắn, hiện nay mỗi người sống một nơi không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà T với ông B có 02 con chung tên Trần Văn M sinh ngày 09/7/2004 và Trần Ngọc Thúy V sinh ngày 07/10/2007. Hiện nay các con đang sống cùng với bà T. Xét thấy, con chung tên Trần Văn M đã thành niên bà T với ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Đối với con chung tên Trần Ngọc Thúy V, bà T yêu cầu nuôi con, ông B đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng, cháu Vân có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó để cháu Vân có cuộc sống ổn định phát triển mọi mặt về thể chất và tinh thần cần giao cháu Vân cho bà T nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

- *Về cấp dưỡng:* Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra xem xét.

Ông B yêu cầu chia tài sản chung nhưng ông không dự nộp tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án nên không thụ lý giải quyết yêu cầu chia tài sản chung. Nếu sau này có tranh chấp giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T, xử cho bà Mai Thị T với ông Trần Văn B ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Thúy V sinh ngày 07/10/2007 cho bà Mai Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

3. Về cấp dưỡng: Ông Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Buộc bà Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, bà Mai Thị T đã dự nộp 300.000 đồng (ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003273 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Mai Thị T, ông Trần Văn B có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Số 16, Quyển 01/2004);
- Lưu AV, HS.

Lê Thị Phượng Diễm